TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ B** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17/7/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Dung

Ông Nguyễn Thế Hợp

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhàn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên toà:

Bà Đỗ Thị Minh Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thị xã B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Điểu Thị Y, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 01, khu phố T, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Điểu D, sinh năm 1990 (Vắng, có đơn)

Địa chỉ: Tổ 04, khu phố N1, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Điểu Thị Y trình bày:*

Chị Điểu Thị Y và anh Điểu D sau thời gian tìm hiểu, tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2010 tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước, kết hôn lần đầu.

Sau khi hết hôn chị Điểu Thị Y và anh Điểu D cùng chung sống tại tổ 01, khu phố T, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, anh chị đã ly thân với nhau từ năm 2017, anh Điểu D đã chuyển về sinh sống cùng gia đình tại Tổ 04, khu phố N1, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước đến nay. Nay chị Điểu Thị Y thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên làm đơn xin ly hôn với anh Điểu D.

Quá trình chung sống chị Điểu Thị Y và anh Điểu D có 02 con chung tên Điểu Thị TD, sinh ngày 05/9/2012 và Điểu HD, sinh ngày 06/11/2014. Sau khi ly hôn, chị Điểu Thị Y có nguyện vọng giao 02 con chung tên Điểu Thị TD, sinh ngày 05/9/2012 và Điểu HD, sinh ngày 06/11/2014 cho anh Điểu D trực tiếp nuôi dưỡng, chị Yến không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Điểu Thị Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, bị đơn anh Điểu D vắng mặt.*

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ đầy đủ các văn bản tố tụng, triệu tập anh Điểu D lên làm việc, viết bản tự khai trình bày ý kiến, nguyện vọng của mình để làm có cơ sở giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2023, anh Điểu D trình bày thông nhất với lời trình bày của chị Điểu Thị Y về quá trình đăng ký kết hôn, mâu thuẫn trong quá trình chung sống, con chung và tài sản chung, nợ chung, cụ thể anh Điểu D trình bày: *"Do bất đồng quan điểm hay cãi vã, tôi mang con gái lớn là Điểu Thị Thùy Duyên về nhờ bà Nội chăm sóc. Sau đó, tôi cũng chuyển về N1, phường C, thị xã B từ năm 2016. Nay vợ Điểu Thị Y xin ly hôn, tôi Điểu D đồng ý. Về con chung có 02 con chung là Điểu Thị TD, sinh ngày 05/9/2012 và Điểu HD, sinh ngày 06/11/2014. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng được quyền trực tiếp nuôi con. Xưa giờ vợ tôi Y không phụ giúp gì tôi nuôi con. Nên nay tôi cũng không yêu cầu Y cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết"*

Biên bản xác minh ngày 29/5/2023, tại tổ 4, khu phố N1, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước xác định: Chị Điểu Thị Y và anh Điểu D hiện nay không còn chung sống với nhau. Quá trình chung sống vợ chồng chị Điểu Thị Y và anh Điểu D có mâu thuẫn nên vào năm 2016 anh Điểu D đưa hai con về sống cùng gia đình tại tổ 4, khu phố N1, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước đến nay.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của nguyên đơn, giao 02 con chung tên Điểu Thị TD, sinh ngày 05/9/2012 và Điểu HD, sinh ngày 06/11/2014 cho anh Điểu D trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi

con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Điểu D đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại: Tổ 04, khu phố N1, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước. Chị Điểu Thị Y yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và vấn đề con chung sau khi ly hôn, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn". Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Anh Điểu D có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Điểu Thị Y và anh Điểu D tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 16/3/2010 tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã B, tỉnh Bình Phước, theo đúng quy định pháp luật, nên hôn nhân của chị Điểu Thị Y và anh Điểu D là hợp pháp, đúng quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét thấy, chị Điểu Thị Y và anh Điểu D kết hôn với nhau nhằm mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng quá trình chung sống anh, chị bất đồng quan điểm sống, hiện không còn thương yêu nhau, quan tâm, trách nhiệm với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, anh chị đã sống ly thân từ 2016 đến nay, chị Điểu Thị Y không muốn hàn gắn gia đình mà yêu cầu ly hôn với anh Điểu D phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Điểu Thị Y, cho chị Điểu Thị Y ly hôn với anh Điểu D.

[3] Về con chung: Sau khi ly hôn, chị Điểu Thị Y có nguyện vọng giao 02 con chung tên Điểu Thị TD, sinh ngày 05/9/2012 và Điểu HD, sinh ngày 06/11/2014 cho anh Điểu D trực tiếp nuôi dưỡng, chị Yến không cấp dưỡng nuôi con, nhận thấy từ khi chị Điểu Thị Y và anh Điểu D ly thân, cháu Duyên và cháu Duy do anh Điểu D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến nay, anh Điểu D có nguyện vọng nuôi con, có công việc và thu nhập, chỗ ở ổn định; Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/5/2023: 02 cháu Điểu Thị TD và Điểu HD đều có nguyện vọng được ở với bố sau khi bố và mẹ ly hôn, xét quyền lợi chính đáng về mọi mặt của các con, anh Điểu D nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp hơn chị Điểu Thị Y và phù hợp theo quy định của pháp luật tại các Điều 58 và 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

của chị Điểu Thị Y, giao 02 con chung tên Điểu Thị TD, sinh ngày 05/9/2012 và Điểu HD, sinh ngày 06/11/2014 cho anh Điểu D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Điểu Thị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 51, 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Điểu Thị Y. Chị Điểu Thị Y được ly hôn với anh Điểu D.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Điểu Thị TD, sinh ngày 05/9/2012 và Điểu HD, sinh ngày 06/11/2014 cho anh Điểu D trực tiếp nuôi đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Chị Điểu Thị Y được quyền thăm non, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Điểu Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002902 ngày 06/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B, tỉnh Bình Phước.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND T Bình Phước;
- VKSND TX B;
- Các đương sự;
- CCTHADS TX B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Mai Phương